| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HẢI HẬU**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số 294/2023/HNGĐ-ST
Ngày 24-11-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị T và anh T1".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hòe.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Huê - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 218/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Bích T, sinh năm 1989. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Thôn Nương Tụ, xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị T vắng mặt có lý do; anh T1 vắng mặt lần 2 không lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/9/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị Bích T trình bày:

Chị Đinh Thị Bích T và anh Trần Văn T1 đăng ký kết hôn ngày 24/12/2009 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T1 tại thị trấn Cồn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, anh T1 không quan tâm, chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị T và anh T1 đã chủ động ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị T giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh T1.

*Về con chung*: Chị T, anh T1 có ba con chung gồm: Cháu Trần Hương Giang, sinh ngày 28/11/2012; cháu Trần An Khang, sinh ngày 19/8/2015; cháu Trần Thiện Nhân, sinh ngày 11/02/2017. Hiện cả ba con chung đang do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba con chung không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng.

*Về tài sản:* Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý số 218/TB-TLVA ngày 03/10/2023; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ cho anh Trần Văn T1 nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc, không đưa ra lý do của sự vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Bích T. Đồng thời, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cũng tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T1 nhưng đến nay anh T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến: Căn cứ Điều 21, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự, thông qua việc kiểm sát T1 theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị xử ly hôn giữa chị Đinh Thị Bích T và anh Trần Văn T1. Về con chung: Giao con chung cháu Trần Hương Giang, sinh ngày 28/11/2012; cháu Trần An Khang, sinh ngày 19/8/2015; cháu Trần Thiện Nhân, sinh ngày 11/02/2017 cho chị T nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Về tài sản: Do các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tạiphiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đinh Thị Bích T xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh T1 là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Bích T và anh Trần Văn T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 24/12/2009.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 thì thấy: Trong suốt quá trình chung sống, do tính tình, quan điểm sống không hợp; anh T không chăm lo đến cuộc sống gia đình nên vợ chồng mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm lạnh nhạt. Chị T, anh T1 đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ tháng 12 năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T, anh T1 đều không có biện pháp để giải quyết mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, anh T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã biết được việc chị T làm đơn xin ly hôn nhưng không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án, không có mặt tại các buổi làm việc của Tòa án đã chứng tỏ anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Trên cơ sở xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T1; căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của đương sự đã có đủ cơ sở xác định: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh T1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn anh T1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 có ba con chung gồm cháu Trần Hương Giang, sinh ngày 28/11/2012; cháu Trần An Khang, sinh ngày 19/8/2015, cháu Trần Thiện Nhân, sinh ngày 11/02/2017. Cả ba con chung hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị T về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung chưa thành niên sau ly hôn thì thấy: Từ khi chị T, anh T1 ly thân, cả ba con chung đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị T nhận nuôi con chung, không yêu cầu anh

T1 cấp dưỡng; cháu Giang, cháu Khang trên bảy tuổi đều có nguyện vọng xin ở với chị T. Trong khi đó, suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh T1 không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Vì vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị T, giao cả ba con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên; anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, anh T1 cũng không có ý kiến gì về tài sản nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị Bích T nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Bích T và anh Trần Văn T1.

2. Về nuôi con chung: Giao ba con chung cháu Trần Hương Giang, sinh ngày 28/11/2012; cháu Trần An Khang, sinh ngày 19/8/2015; cháu Trần Thiện Nhân, sinh ngày 11/02/2017 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Hiện nay, các con chung đều đang do chị T nuôi dưỡng nên anh T1 không phải thực hiện nghĩa vụ giao con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đinh Thị Bích T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0002759 ngày 03/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Đinh Thị Bích T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Việt Hùng** **Lưu Văn Đê** **Ngô Thị Hòe**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Cồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Hòe**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Việt Hùng** **Trần Thị Phượng**

**Ngô Thị Hòe**